

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2026.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên và bà Phạm Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1989;

2. Bị đơn: Anh **Lê Quang H1**, sinh năm 1986

Cùng trú tại: **Xóm N (xã Đ cũ), phường K, tỉnh Phú Thọ.**

(Chị **H** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh **H1** vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn – chị **Bùi Thị H** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị H** và anh **Lê Quang H1** chung sống với với nhau từ năm 2010, gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2020, chị **H** và anh **H1** thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nguyên nhân mâu thuẫn về

quan điểm sống và về kinh tế. Khoảng từ năm 2023, anh **H1** đi làm ăn xa, chị **H** có hỏi làm ở đâu thì anh **H1** không cung cấp địa chỉ cho chị **H** biết, thì thoảng anh **H1** có gọi điện và về nhà thăm các con. Gia đình hai bên gia đình đã khuyên hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không thể hàn gắn. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H1**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Lê Gia B**, sinh ngày 16/5/2010 và **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/8/2013. Khi ly hôn, chị **H** đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi các con chung: Chị **H** không yêu cầu anh **H1** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí ly hôn: Chị **H** nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

* Quá trình cung cấp chứng cứ, anh **Lê Quang H1** vắng mặt, không tham gia tố tụng, mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị **Bùi Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên những quan điểm đã nêu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại **các Điều 70, Điều 71 Bộ luật** tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Phía bị đơn đã được tổng đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **H** ly hôn với anh **H1**. Về con chung: có 02 con chung tên **Lê Gia B**, sinh ngày 16/5/2010 và **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/8/2013. Khi ly hôn, đề nghị giao 02 con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **H** không yêu cầu anh **H1** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị **H** không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị **H** xác nhận không có, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh **Lê Quang H1** có đăng ký thường trú tại **xóm N (xã Đ cũ), phường K, tỉnh Phú Thọ**. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị H** và anh **Lê Quang H1** là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định là hôn nhân hợp pháp, được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, không có tiếng nói chung giữa hai bên liên quan về kinh tế, chung sống không hạnh phúc; Quá trình xác minh và tại ý kiến trình bày của nguyên đơn, từ năm 2023 đến nay, vợ chồng sống ly thân do anh **H1** đi làm xa nhà, vợ chồng không sinh sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **H** và anh **H1** đã ly thân kéo dài, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị **H** là có căn cứ, phù hợp với thực tế mâu thuẫn vợ chồng, nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị **Bùi Thị H** và anh **Lê Quang H1** có 02 con chung tên **Lê Gia B**, sinh ngày 16/5/2010 và **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/8/2013. Khi ly hôn, chị **H** đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; Xét thấy hiện nay, 02 con chung đang sinh sống ổn định và do chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **H1** đi làm ăn xa nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh **H1** cũng không đến Tòa giải quyết và không có quan điểm gì. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung chưa thành niên, giao cháu **Lê Gia B** và **Lê Gia N1** cho chị **Bùi Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, chị **H** không đề nghị anh **H1** phải cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị **Bùi Thị H** có quan điểm về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung chị **H** khẳng định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện là phù hợp theo quy định, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị **Bùi Thị H**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị H** được ly hôn với anh **Lê Quang H1**.

- Về nuôi con chung: Chị **Bùi Thị H** và anh **Lê Quang H1** có 02 con chung tên **Lê Gia B**, sinh ngày 16/5/2010 và **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/8/2013. Khi ly hôn, giao 02 con chung **Lê Gia B** và **Lê Bảo N** cho chị **Bùi Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Lê Quang H1** chưa phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Anh **Lê Quang H1** có quyền thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

2. Về án phí: Chị **Bùi Thị H** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0000514 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND (xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn cũ),
Xã Thượng Cốc, tỉnh Phú Thọ;
- Đường sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Anh

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

